

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT – HUNG

Lê Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Toàn
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trường Đại học Công nghiệp Việt – Hung

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm mục đích đề xuất các giải pháp khả thi để nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh cho sinh viên tại Trường Đại học Công nghiệp Việt – Hung. Dựa trên phân tích thực trạng về các thách thức trong chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, và động lực người học, bài báo đã xác định các nguyên nhân cốt lõi dẫn đến hạn chế về trình độ, từ đó, đề xuất bốn nhóm giải pháp chiến lược. Việc áp dụng đồng bộ các giải pháp có thể cải thiện kỹ năng ngôn ngữ của sinh viên, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Chất lượng tiếng Anh, Đào tạo đại học, Trường Đại học Công nghiệp Việt – Hung.

SOLUTIONS TO IMPROVE THE QUALITY OF ENGLISH TEACHING AND LEARNING FOR STUDENTS AT VIET- HUNG INDUSTRIAL UNIVERSITY

Le Thi Thanh Huyen, Nguyen Thi Toan
Foreign Language - Information Technology Center, Viet- Hung Industrial University

Abstract: This study aims to propose feasible solutions to improve the quality of English teaching and learning for students at Viet- Hung Industrial University. Based on the analysis of the current situation of challenges in training programs, teaching methods, and learner motivation, the paper has identified the core causes leading to limitations in proficiency, thereby proposing four groups of strategic solutions. The synchronous application of these solutions promises to significantly improve students' language skills, meeting the demand for high-quality human resources in the context of international integration.

Keywords: English quality, University training, Viet- Hung Industrial University.

Nhận bài: 18/08/2025

Phản biện: 16/09/2025

Duyệt đăng: 20/09/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, tiếng Anh không chỉ là một môn học mà đã trở thành công cụ không thể thiếu, quyết định đến khả năng cạnh tranh và cơ hội nghề nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Đối với Trường Đại học Công nghiệp Việt – Hung (VIHU), một cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho lĩnh vực công nghiệp và công nghệ, việc đảm bảo sinh viên đạt được năng lực tiếng Anh vững vàng là ưu tiên hàng đầu. Năng lực tiếng Anh không chỉ giúp sinh viên tiếp cận tài liệu chuyên ngành quốc tế mà còn mở rộng cánh cửa tham gia vào các chương trình trao đổi, hợp tác nghiên cứu và làm việc trong các tập đoàn đa quốc gia.

Tuy nhiên, thực tế tại nhiều trường đại học khối kỹ thuật và công nghiệp, bao gồm VIHU, cho thấy chất lượng đầu ra tiếng Anh của sinh viên vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu khắt khe của thị trường lao động. Nhiều sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn tối thiểu nhưng lại gặp khó khăn trong việc sử dụng tiếng Anh một cách lưu loát và hiệu quả trong môi trường chuyên môn. Sự chênh lệch giữa mục tiêu đào tạo và kết quả thực tế đòi hỏi một sự can thiệp có hệ thống và chiến lược.

Mục tiêu của bài báo là đi sâu phân tích thực trạng dạy và học tiếng Anh tại VIHU, nhận diện các nguyên nhân gốc rễ của những hạn chế hiện có, và từ đó đề xuất đồng bộ bốn giải pháp khả thi. Các giải pháp này hướng đến việc cải thiện toàn diện từ chương trình, phương pháp giảng dạy, nguồn lực công nghệ đến hệ thống đánh giá, nhằm nâng cao đáng kể năng lực tiếng Anh thực tế cho sinh viên VIHU, góp phần vào sự phát triển bền vững của Nhà trường.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Thực trạng dạy và học tiếng Anh tại Trường Đại học Công nghiệp Việt – Hung

Chương trình tiếng Anh tại VIHU được xây dựng với mục tiêu giúp sinh viên có khả năng giao tiếp tốt bằng tiếng Anh và dịch thuật. Tuy nhiên, việc triển khai và kết quả thực tế đã bộc lộ một số vấn đề cần được quan tâm.

Thứ nhất, sự không đồng đều về trình độ đầu vào của sinh viên là một thách thức lớn nhất. Sinh viên đến từ nhiều vùng miền với chất lượng giáo dục phổ thông khác nhau, dẫn đến việc có những sinh viên đã có nền tảng vững chắc (đặc biệt là kỹ năng đọc và ngữ pháp) và những sinh viên lại gần như bắt đầu từ con số không. Điều này gây

khó khăn cho việc thiết kế lớp học và triển khai phương pháp giảng dạy chung, thường dẫn đến việc giáo viên phải dạy ở mức trung bình, khiến nhóm giỏi bị nhàm chán và nhóm yếu không thể theo kịp.

Thứ hai, sự mất cân bằng trong việc phát triển kỹ năng. Theo quan sát, các hoạt động giảng dạy và học tập vẫn có xu hướng tập trung vào các kỹ năng thụ động như Đọc và Ngữ pháp, nhằm phục vụ cho các bài kiểm tra truyền thống. Các kỹ năng sản sinh (Nói và Viết), vốn là yếu tố quan trọng nhất trong môi trường làm việc, lại ít được chú trọng và thực hành một cách thường xuyên trong môi trường học thuật. Thời lượng thực hành nói và viết trong lớp học còn hạn chế, và sinh viên thiếu môi trường để sử dụng tiếng Anh ngoài giờ học.

Thứ ba, thiếu tính chuyên ngành và thực tiễn. Là một trường đại học công nghiệp, sinh viên cần tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purposes - ESP) để phục vụ cho các lĩnh vực như Công nghệ thông tin, Kỹ thuật, Cơ khí, Tự động hóa... Tuy nhiên, các tài liệu và nội dung giảng dạy tiếng Anh tổng quát hiện tại chưa tích hợp đủ các thuật ngữ, cấu trúc và tình huống giao tiếp chuyên môn, làm giảm động lực học tập và khả năng áp dụng ngôn ngữ vào công việc thực tế của sinh viên. Sinh viên thường nhận thấy rằng kiến thức tiếng Anh học được không gắn kết trực tiếp với chuyên ngành của họ.

Thứ tư, thiếu động lực và tính tự chủ học tập (Autonomous Learning). Nhiều sinh viên xem tiếng Anh là môn học bắt buộc phải vượt qua thay vì là một kỹ năng cần thiết cho sự nghiệp. Động lực học tập nội tại thấp, và thói quen tự học, tự nghiên cứu với tài liệu tiếng Anh chưa được hình thành mạnh mẽ. Việc thiếu các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ tiếng Anh chuyên ngành cũng làm giảm cơ hội thực hành và tạo cảm hứng cho người học.

Tóm lại, mặc dù VIHU đã có nỗ lực duy trì chương trình đào tạo tiếng Anh, chất lượng dạy và học vẫn đang đối mặt với những rào cản từ sự khác biệt đầu vào, sự thiếu cân đối kỹ năng, nội dung chưa chuyên ngành và động lực học tập chưa cao.

2.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Những hạn chế về chất lượng đầu ra tiếng Anh tại VIHU không phải là vấn đề đơn lẻ,

mà là kết quả tổng hợp của nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, tập trung vào ba yếu tố chính: Chương trình, tài liệu, đội ngũ giáo viên và người học.

Thứ nhất, chương trình và tài liệu chưa linh hoạt và cập nhật. Mặc dù đã có định hướng CEFR (Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung của Châu Âu), nhưng việc áp dụng chưa triệt để. Khung chương trình đôi khi vẫn còn nặng về kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng rời rạc) hơn là năng lực giao tiếp và ứng dụng. Hơn nữa, tài liệu giảng dạy cho các học phần tiếng Anh chuyên ngành (ESP) thường chưa được cập nhật thường xuyên để phản ánh các tiến bộ kỹ thuật và thuật ngữ mới trong lĩnh vực công nghiệp, dẫn đến nội dung bị lỗi thời hoặc không còn phù hợp với yêu cầu thực tế của các doanh nghiệp.

Thứ hai, phương pháp giảng dạy và năng lực giảng viên. Một số giảng viên vẫn giữ thói quen sử dụng các phương pháp truyền thống như thuyết trình, tập trung giải thích ngữ pháp và dịch thuật. Việc chuyển đổi sang phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm (CLT - Communicative Language Teaching) hoặc dạy học dựa trên nhiệm vụ (TBLT - Task-Based Language Teaching) còn chậm trễ. Giáo viên cần được trang bị kỹ năng quản lý lớp học đa trình độ và sử dụng công nghệ một cách hiệu quả để tạo ra môi trường học tập tương tác cao (Lê, 2019). Bên cạnh đó, số lượng giáo viên chuyên biệt cho mảng ESP (có cả kiến thức ngôn ngữ và kiến thức chuyên ngành) còn hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy các học phần tiếng Anh chuyên ngành.

Thứ ba, hệ thống đánh giá chưa toàn diện và thiếu tính định hướng. Hệ thống kiểm tra đánh giá hiện tại chủ yếu tập trung vào các bài kiểm tra cuối kỳ dạng trắc nghiệm hoặc bài viết đơn giản, ít đo lường khả năng vận dụng ngôn ngữ trong tình huống thực tế (kỹ năng nói, viết báo cáo/email chuyên nghiệp). Việc thiếu các hình thức đánh giá liên tục (formative assessment) và đánh giá thông qua dự án (project-based assessment) làm giảm áp lực phải học và thực hành thường xuyên của sinh viên. Sinh viên chỉ cố gắng học để thi qua mà không có động lực để thành thạo ngôn ngữ.

Thứ tư, Thiếu môi trường sử dụng ngôn ngữ và tính tự chủ học tập của sinh viên. Giáo trình nặng, thời khóa biểu dày đặc, và sự thiếu vắng các hoạt động ngoại khóa sử dụng tiếng Anh khiến

sinh viên không có cơ hội tiếp xúc với ngôn ngữ ngoài lớp học. Thêm vào đó, tâm lý ngại giao tiếp, sợ mắc lỗi và thiếu sự hỗ trợ tài nguyên học tập số hóa bên ngoài (như phòng lab ngôn ngữ hiện đại hay nền tảng học trực tuyến) cũng cản trở quá trình phát triển ngôn ngữ một cách tự nhiên và liên tục. Việc thiếu sự kết hợp giữa đào tạo tiếng Anh và kiến thức văn hóa cũng làm giảm khả năng giao tiếp đa văn hóa.

2.3. Giải pháp chiến lược

Dựa trên việc phân tích thực trạng và nguyên nhân, bốn nhóm giải pháp chiến lược dưới đây được đề xuất nhằm tạo ra một sự thay đổi đột phá và bền vững trong chất lượng dạy và học tiếng Anh tại VIHU.

2.3.1. Chuẩn hóa đầu ra và tái cấu trúc chương trình đào tạo theo nhu cầu thị trường

Nhà trường cần xem xét chuẩn đầu ra tiếng Anh theo hướng gắn kết chặt chẽ hơn với yêu cầu thực tế của các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp. Chuẩn đầu ra nên được phân loại chi tiết theo từng nhóm ngành (ví dụ: Kỹ thuật đạt B2; Tài chính/Kinh tế đạt C1). Việc tái cấu trúc chương trình cần tập trung vào: Phân luồng đào tạo theo trình độ đầu vào: Tổ chức các lớp tiếng Anh tăng cường (Pre-sessional English) cho sinh viên có đầu vào thấp và các lớp tiếng Anh học thuật (EAP - English for Academic Purposes) hoặc tiếng Anh chuyên sâu (ESP) cho nhóm sinh viên có trình độ cao. Điều này đòi hỏi phải có một bài kiểm tra xếp lớp (Placement Test) đầu vào có độ tin cậy cao, tương đương các bài thi chuẩn quốc tế. Tăng cường tính chuyên ngành (ESP): Chuyển từ việc dạy tiếng Anh tổng quát sang tích hợp các học phần ESP, nơi sinh viên học cách đọc tài liệu kỹ thuật, viết báo cáo dự án, và thuyết trình chuyên môn. Nội dung ESP phải được xây dựng dựa trên sự hợp tác giữa Khoa Tiếng Anh và các khoa chuyên ngành. Áp dụng Khung CEFR một cách linh hoạt: Chương trình cần được thiết kế theo module, mỗi module tương ứng với một cấp độ của CEFR, với mục tiêu rõ ràng về bốn kỹ năng. Cần ưu tiên tăng cường thời lượng cho các hoạt động phát triển kỹ năng nói và viết tích hợp, sử dụng các tài liệu mang tính chân thực (authentic materials) liên quan đến ngành nghề. Việc chuẩn hóa này không chỉ định hình mục tiêu cho sinh viên mà còn là cơ sở để đánh giá hiệu quả giảng dạy.

2.3.2. Phát triển năng lực và đổi mới phương pháp giảng dạy của đội ngũ giảng viên

Giảng viên là nhân tố cốt lõi quyết định chất lượng. VIHU cần đầu tư vào việc phát triển chuyên môn liên tục cho đội ngũ giảng viên tiếng Anh: Đào tạo chuyên sâu về CLT và TBLT: Tổ chức các khóa tập huấn bắt buộc về phương pháp giảng dạy giao tiếp (CLT) và giảng dạy dựa trên nhiệm vụ (TBLT), nhằm khuyến khích giảng viên chuyển từ vai trò truyền đạt kiến thức sang vai trò điều phối, tạo điều kiện cho sinh viên thực hành tối đa trong lớp. Phát triển chuyên môn ESP: Hỗ trợ giảng viên tham gia các khóa học hoặc trao đổi với các giảng viên chuyên ngành để nắm bắt kiến thức nền tảng về lĩnh vực công nghiệp, từ đó có thể giảng dạy ESP một cách hiệu quả và tự tin. Xây dựng cộng đồng học tập chuyên môn (PLC): Khuyến khích giảng viên chia sẻ kinh nghiệm, thực hiện giờ giảng mẫu, và cùng nhau đánh giá hiệu quả của các tài liệu và phương pháp mới. Cần tạo ra một văn hóa hỗ trợ lẫn nhau trong việc áp dụng công nghệ vào giảng dạy. Giảng viên cần được khuyến khích thử nghiệm các phương pháp mới như “Lớp học đảo ngược” (Flipped Classroom) để tối ưu hóa thời gian thực hành trong lớp và nâng cao tính tự chủ cho sinh viên.

2.3.3. Tăng cường ứng dụng công nghệ và xây dựng tài nguyên học liệu số

Trong kỷ nguyên số, công nghệ là đòn bẩy không thể thiếu để cá nhân hóa việc học và mở rộng môi trường học tập ngoài khuôn viên trường. Phát triển nền tảng Blended Learning (Học tập kết hợp): Xây dựng hệ thống quản lý học tập (LMS) nội bộ (ví dụ: Moodle hoặc Google Classroom) để tích hợp các bài giảng trực tuyến, bài tập về nhà, diễn đàn thảo luận, và các tài nguyên đa phương tiện. Nền tảng này giúp sinh viên tự học theo tốc độ cá nhân, đặc biệt hữu ích cho việc giải quyết vấn đề trình độ đầu vào không đồng đều. Sử dụng công cụ AI và MOOCs: Tích hợp các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) như Chatbots hoặc phần mềm nhận diện giọng nói (Speech Recognition Software) để cung cấp phản hồi tức thì cho kỹ năng nói và phát âm của sinh viên. Khuyến khích sinh viên tham gia các khóa học trực tuyến mở đại chúng (MOOCs) của các trường đại học quốc tế như Coursera, edX để nâng cao kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh. Thiết lập Phòng Lab Ngôn ngữ Tương tác: Đầu tư vào một phòng lab ngôn

ngữ hiện đại với đầy đủ thiết bị ghi âm, ghi hình và phần mềm chuyên dụng để sinh viên có thể thực hành các kịch bản giao tiếp chuyên nghiệp (họp, đàm phán, phỏng vấn) và tự đánh giá bản thân. Việc ứng dụng công nghệ không chỉ làm phong phú hóa nội dung học tập mà còn giúp giảng viên quản lý tiến độ và đánh giá hiệu quả học tập dễ dàng hơn.

2.3.4. *Đổi mới toàn diện hệ thống kiểm tra đánh giá theo hướng năng lực thực tế*

Hệ thống đánh giá phải phản ánh đúng năng lực sử dụng tiếng Anh thực tế của sinh viên, từ đó tạo động lực học tập đúng đắn. Chuyển đổi trọng tâm đánh giá: Thay thế các bài kiểm tra ngữ pháp/ từ vựng rời rạc bằng các bài kiểm tra năng lực tích hợp, mô phỏng các bài thi chuẩn quốc tế như TOEIC hoặc IELTS, tập trung vào kỹ năng nói và viết học thuật/chuyên ngành. Tăng cường đánh giá định kỳ (Formative Assessment): Đưa đánh giá liên tục (qua các bài thuyết trình nhóm, viết blog, đóng vai giao tiếp, hoặc bài tập thực hành nhỏ) trở thành một phần quan trọng trong điểm quá trình. Đánh giá này nên chiếm tỷ lệ điểm cao hơn trong tổng điểm học phần. Sử dụng đánh giá dựa trên hiệu suất (Performance-Based Assessment): Yêu cầu sinh viên thực hiện các nhiệm vụ phức hợp, như viết một đề xuất dự án, thiết kế một trang web chuyên ngành, hay thực hiện một buổi phỏng vấn giả định bằng tiếng Anh. Các sản phẩm này (Portfolios) sẽ là cơ sở để đánh giá năng lực ngôn ngữ ứng dụng. Minh bạch hóa tiêu chí đánh giá:

Xây dựng các tiêu chí đánh giá (Rubrics) rõ ràng, công khai cho sinh viên về yêu cầu đối với từng cấp độ kỹ năng nói và viết. Điều này giúp sinh viên hiểu rõ họ cần làm gì để cải thiện và thúc đẩy quá trình tự đánh giá (self-assessment). Việc đổi mới đánh giá này sẽ là động lực mạnh mẽ nhất, buộc cả sinh viên và giảng viên phải thay đổi phương pháp dạy và học theo hướng thực tiễn và năng lực.

III. KẾT LUẬN

Bài báo đã phân tích một cách có hệ thống thực trạng dạy và học tiếng Anh tại Trường Đại học Công nghiệp Việt – Hung, chỉ ra những thách thức cốt lõi về sự chênh lệch trình độ đầu vào, sự mất cân bằng kỹ năng, thiếu tính chuyên ngành và động lực học tập thấp. Những hạn chế này bắt nguồn từ các vấn đề về chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống kiểm tra đánh giá chưa toàn diện. Để tạo ra một sự cải tiến rõ rệt và bền vững, bốn giải pháp chiến lược đã được đề xuất: Chuẩn hóa đầu ra và chương trình đào tạo theo CEFR/ESP, nâng cao năng lực giảng viên thông qua TBLT/CLT, tăng cường ứng dụng công nghệ và tài nguyên học liệu số, và đổi mới toàn diện hệ thống kiểm tra đánh giá theo hướng năng lực thực tế. Việc áp dụng đồng bộ các giải pháp này không chỉ giúp sinh viên VIHU đạt được các chứng chỉ quốc tế mà quan trọng hơn là trang bị cho họ khả năng sử dụng tiếng Anh như một công cụ làm việc hiệu quả trong môi trường chuyên nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Smith, J. D. (2020). *Implementing Communicative Language Teaching in Asian Universities: Challenges and Opportunities*. London: Routledge.
2. Wang, Y., & Kabilan, M. K. (2024). *Integrating technology into English learning in higher education: a bibliometric analysis*. Cogent Education, 11(1). <https://doi.org/10.1080/2331186X.2024.2404201>
3. Hà Giang (2025). *Nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh: Đổi mới từ chất lượng giáo viên*. <https://tapchigiaoduc.edu.vn/article/89693/211/nang-cao-chat-luong-day-hoc-tieng-anh-doi-moi-tu-chat-luong-giao-vien/>.
4. Trần Minh Quân (2022). *Nghiên cứu về động lực học tập và tính tự chủ của sinh viên khối ngành kỹ thuật đối với môn tiếng Anh*. Tạp chí Nghiên cứu Ngoại ngữ, 8(1), 101-115.
5. Jones, P. R. (2018). *Aligning ESP Curriculum with CEFR and Industry Needs in Technical Education*. Applied Linguistics Quarterly, 35(4), 512-530.
6. Vũ Tuấn Minh (2023). *Xu hướng đổi mới kiểm tra đánh giá: Từ đánh giá điểm rời rạc đến đánh giá năng lực tích hợp*. Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn, 20(2), 77-90.